

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN MINH  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **18/2020/HN-ST**

Ngày: 16/6/2020

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Cẩm Linh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Hồ Thị Hoa

2. Ông Nguyễn Hữu Cương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thùy Trang, thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Ý, kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện An Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 254/2019/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2019 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2020/QĐXX - ST ngày 10/3/2020 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 13/2020/TB-TA ngày 13/3/2020, Thông báo thời gian mở phiên tòa số 31/2020/TB-TA ngày 22/4/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2020/QĐST – HNGĐ ngày 21/5/2020, giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* Anh Thạch B, sinh năm: 1993. Cư trú: Ấp GN, xã VT, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. (*Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt*)

\* *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Ái K, sinh năm: 1995. Cư trú: Ấp TH, xã ĐTh, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. (*Có mặt*)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Theo đơn khởi kiện ngày 12/8/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Thạch B trình bày và yêu cầu như sau:* Anh và chị K chung sống với nhau từ năm 2015, có đăng ký kết hôn và được UBND xã ĐT, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 01/10/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống cùng gia đình chị K tại ấp TH, xã ĐT, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

Trong quá trình vợ chồng chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng chung sống không hòa hợp nhau về quan điểm trong

cuộc sống, gia đình chị K dùng lời lẽ không tôn trọng anh. Mỗi lần vợ chồng cự cãi là chị K đuổi anh ra khỏi nhà, mặc dù anh nhẫn nhịn nhưng vợ chồng không thể hàn gắn được. Vợ chồng đã thật sự ly thân nhau cho đến nay là hơn 02 năm.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Thạch Tấn B1, sinh ngày 11/10/2015 và Thạch Quốc T, sinh ngày 25/3/2018.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng không tạo lập được tài sản chung.

Về nợ chung: Không có.

Anh B yêu cầu:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ái K.

- Về con chung: Yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Thạch Quốc T, sinh ngày 11/10/2015 và đồng ý giao cháu Thạch Tấn B1, sinh ngày 11/10/2015 cho chị K nuôi dưỡng, anh B không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

*\* Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị Ái K trình bày và yêu cầu như sau:*

- Về hôn nhân: Chị đồng ý ly hôn với anh Thạch B

- Về con chung: Chị yêu cầu được nuôi cháu Thạch Tấn B1, sinh ngày 11/10/2015 và đồng ý giao cháu Thạch Quốc T, sinh ngày 11/10/2015 cho anh B nuôi dưỡng. Không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

*\* Tại phiên tòa:*

- Anh B vắng mặt.

- *Chị K yêu cầu:* Về hôn nhân chị đồng ý ly hôn với anh Thạch B; về con chung yêu cầu được nuôi cháu Thạch Tấn B1, sinh ngày 11/10/2015 và đồng ý giao cháu Thạch Quốc T, sinh ngày 11/10/2015 cho anh B nuôi dưỡng. Chị K không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- *Kiểm sát viên phát Bểu quan điểm giải quyết vụ án:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự;

Đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay: Nguyên đơn chấp hành pháp luật tố tụng nghiêm chỉnh và đúng qui định. Bị đơn chấp hành pháp luật tố tụng chưa đảm bảo, vắng mặt không trình bày ý kiến mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51;

khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho anh B được ly hôn với chị K;

- Về con chung: Giao cháu Thạch Quốc T cho anh B và cháu Thạch Tấn B1 cho chị K, trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh B và chị K không phải cấp dưỡng nuôi con;

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có tranh chấp nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Anh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (gọi tắt là HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn anh Thạch B khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Ái K là tranh chấp dân sự về hôn nhân và gia đình. Khi anh B khởi kiện được Tòa án thụ lý vụ án giải quyết thì chị K đang cư trú và sinh sống tại ấp TH, xã ĐT, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy, trường hợp vắng mặt của anh B không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và anh B có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt anh B.

Qua yêu cầu của các đương sự trong vụ án được xác định mối quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh B và chị K chung sống với nhau từ năm 2015 và có đăng ký kết hôn UBND xã ĐT, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang vào ngày 01/10/2015 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của anh B về việc ly hôn với chị K, HĐXX xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án thì anh cho rằng sau khi kết hôn và qua thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau không hàn gắn được nên anh chị đã ly thân hơn 02 năm nay. Qua xác minh tại nơi cư trú, cho thấy trong quá trình chung sống giữa anh B và chị K có phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do anh chị không cùng quan điểm sống. Đồng thời, chị K cũng đồng ý với anh B nhưng tại phiên tòa anh B vắng mặt nên HĐXX không thể ghi nhận việc anh chị thuận tình ly hôn.

Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật HN&GD năm 2014 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cho anh B được ly hôn với chị K.

[3] *Về quan hệ con chung*: Đối với yêu cầu của anh B về việc được tiếp tục nuôi cháu T và đồng ý giao cháu B1 cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng. Tại phiên tòa, chị K đồng ý theo yêu cầu của anh B nên giao cháu T cho anh B và giao cháu B1 cho chị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Anh B và chị K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Khi cần thiết, anh chị có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh B và chị K xác định không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, có phát sinh nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì anh chị vẫn có nghĩa vụ liên đới.

[5] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Buộc nguyên đơn anh Thạch B phải chịu án phí số tiền là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Thạch B được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ái K.

2. Về con chung: Giao cháu cháu Thạch Quốc T (*sinh ngày 11/10/2015, giới tính nam*) cho anh B và giao cháu Thạch Tấn B1 (*sinh ngày 11/10/2015, giới tính nam*) cho chị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Anh B và chị K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Khi cần thiết, anh chị có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc anh Thạch B chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo lai thu số 0007490 ngày 01/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Anh B không phải nộp thêm.

4. *Quyền kháng cáo*: Chị K có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16/6/2020).

Riêng anh B vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện An Minh;
- TAND tỉnh KG;
- UBND xã DT.
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

**Trịnh Thị Cẩm Linh**